

Bản án số: 247/2021/KDTM-PT

Ngày: 22/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang

*Các Thẩm phán:* Ông Đào Quốc Thịnh

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đình Đông Quân, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:**

Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10,19 và 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1321/2020/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5825/2020/QĐPT-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 26012/2020/QĐ-PT ngày 22/12/2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 560/2021/QĐPT - KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D; địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Sơn Chí T; địa chỉ: Phường B, Quận A. Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang N – Luật sư Công ty Luật Hợp danh N & Chính;

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ Phần Tập Đoàn S; địa chỉ: Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Hồng T1, bà Trương Thị T2; địa chỉ: Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn S – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ngày 19/11/2010, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D (Sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Sau đây gọi là bị đơn) đã ký kết Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1 – SSG (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng hợp tác) cùng nhau đầu tư kinh doanh để thực hiện Dự án Khu phức hợp P1 Tower (Sau đây gọi là Dự án) địa chỉ tại Khu đất Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi là khu đất 12AB).

Để thực hiện mục đích trên, hai bên thống nhất phương thức thực hiện là sẽ cùng góp vốn thành lập pháp nhân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (sau đây gọi là Công ty PSSSG) và thực hiện thủ tục để pháp nhân này làm chủ đầu tư trực tiếp thực hiện Dự án. Công ty PSSSG thành lập sẽ có tổng mức vốn điều lệ là 450.000.000.000 đồng, trong đó nguyên đơn sở hữu 51% (góp bằng quyền sử dụng đất và tiền mặt) tương ứng với số tiền là 229.500.000.000 đồng, bị đơn sở hữu 49% (góp bằng tiền mặt) tương ứng với số tiền là 220.500.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ khi Công ty PSSSG được thành lập đến nay, chưa bên nào hoàn tất nghĩa vụ góp vốn.

Tại thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng hợp tác, nguyên đơn đang thực hiện thủ tục để xin thực hiện đầu tư Dự án (Tên mới là “Cape Pearl”) tại khu đất số 12AB và nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất này. Nguyên đơn sử dụng đất trên cơ sở Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 và Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 18/01/2020 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất là để làm văn phòng, khách sạn và các dịch vụ giải trí. Theo Hợp đồng hợp tác, các bên thỏa thuận, bị đơn hỗ trợ nguyên đơn và Công ty PSSSG thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính, chuyển chủ đầu tư dự án cho Công ty PSSSG; xin điều chỉnh quy hoạch và làm việc với UBND quận T xin giảm nghĩa vụ phải thực hiện khi triển khai dự án (giảm số lượng căn hộ bán giá ưu đãi phục vụ tái định cư và các nghĩa vụ khác phải thực hiện với UBND quận T), thời gian thực hiện như sau:

- Hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính: Tối đa không quá 8 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hoàn thành việc xin thay đổi chỉ tiêu quy hoạch và xin giảm nghĩa vụ phải thực hiện khi triển khai dự án với UBND quận T: tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày chuyển Chủ đầu tư cho Công ty PSSSG.

- Các bên sẽ thực hiện các công việc có liên quan để đủ điều kiện làm lễ khởi công (động thổ) công trình trước tháng 12/2010.

- Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thời hạn 15 ngày nguyên đơn hoàn tất và nộp hồ sơ cho các cơ quan hữu quan để chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty PSSSG.

Hai bên thống nhất triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư dự án đồng thời với công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu đất 12 AB. Trong thời gian thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn vẫn đứng tên Chủ đầu tư dự án và ủy quyền cho Công ty PSSSG thay mặt Chủ đầu tư làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm triển khai đầu tư dự án. Sau khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng đất phù hợp với mục tiêu của dự án thì các bên sẽ thực hiện thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất của khu đất và chuyển chủ đầu tư sang cho Công ty PSSSG để thực hiện xây dựng Dự án.

Bảng chi phí của Công ty PSSSG, bị đơn đã hỗ trợ nguyên đơn và Công ty PSSSG làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến pháp lý dự án. Ngày 11/8/2014 Dự án được UBND Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định duyệt đề án quy hoạch chi tiết 1/500. Ngày 20/11/2014 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định chấp thuận đầu tư với tên chủ đầu tư là Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D, tên dự án là Cape Pearl. Ngày 19/11/2015 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 6070/QĐ-UBND về việc chấp thuận cho Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D sử dụng đất diện tích: 19.540,76 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị. Do tổng diện tích 19.540,76 m<sup>2</sup> bao gồm cả phần diện tích 11.497,39 m<sup>2</sup> thuộc hành lang sông Sài Gòn và kinh Thanh Đa, thuộc diện tích phải bàn giao lại cho Nhà nước, nên ngày 15/8/2017, nguyên đơn đã gửi công văn đến Sở Tài nguyên Môi trường đề nghị đề xuất UBND Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh Quyết định số 6070/QĐ-UBND nhằm xác định cụ thể phần đất được giao là 8.100,41 m<sup>2</sup>, phần diện tích bị thu hồi là 11.497,39 m<sup>2</sup>. Từ đó đến nay nguyên đơn chưa nhận được quyết định nào từ phía cơ quan nhà nước về vấn đề này.

Ngoài những phần việc trên, các hạng mục công việc quan trọng khác mang tính quyết định để triển khai dự án vẫn chưa hoàn thành, nguyên đơn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa xác định nghĩa vụ tài chính, chưa xác định được cụ thể phần diện tích đất được giao và phần diện tích bị thu hồi... Sau nhiều lần trao đổi trực tiếp với đại diện theo pháp luật của bị đơn về việc chậm trễ nhưng đến nay các hạng mục công việc này vẫn không được thực hiện hoàn tất. Nguyên đơn không có căn cứ để chuyển quyền sử dụng đất và hồ sơ pháp lý Dự án không hoàn thành, các bên không thực hiện được công tác đầu tư xây dựng Dự án theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác và đối tượng Hợp đồng hợp tác không thực hiện được.

Ngày 31/01/2018, trên cơ sở thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn, Công ty PSSSG đã hoàn tất thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với tất cả người lao động, hiện tại Công ty PSSSG đang trong tình trạng ngưng hoạt động trên thực tế. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng các bên thỏa thuận giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật, cụ thể, các bên đã thỏa thuận chuyển mục đích sử dụng đất của khu đất 12AB để thực hiện góp vốn thành lập công ty, thỏa thuận này trái với mục đích sử dụng đất thể hiện tại các Quyết định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ký kết là để nguyên đơn làm văn phòng, khách sạn và các dịch vụ giải trí, góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất khi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1-SSG.

Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn trình bày: để thực hiện việc triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư dự án đồng thời với công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu đất 12AB, nguyên đơn đã giao cho Công ty PSSSG các văn bản liên quan tới quyền sử dụng đất để PSSSG liên hệ, nộp hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra trong quá trình thực hiện công việc, Công ty PSSSG đã nhận và giữ một số văn bản liên quan tới công tác đầu tư dự án, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét, buộc bị đơn và Công ty PSSSG hoàn trả lại toàn bộ các văn bản đã nhận từ nguyên đơn và tất cả các văn bản đã nhận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công việc.

Tại đơn phản tố ngày 09/5/2019, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, người đại diện hợp pháp của bị đơn – Công ty Cổ phần Tập đoàn S trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thời điểm ký kết và nội dung của Hợp đồng hợp tác. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng hợp tác, nguyên đơn là chủ sở hữu và chủ đầu tư Dự án P1 Tower tại khu đất số 12AB. Do đó, nguyên

đơn có quyền ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với bị đơn, có quyền góp vốn để thành lập công ty PSSSG. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái với đạo đức xã hội và đáp ứng đủ quy định về điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật, vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu tuyên hợp đồng hợp tác 12/2010 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật của nguyên đơn. Để đẩy nhanh tiến độ, bị đơn đã cử người cùng thực hiện các thủ tục và chi trả tất cả các chi phí liên quan của Công ty PSSSG để thực hiện các thủ tục pháp lý cho nguyên đơn và cho tới thời điểm hiện tại, nguyên đơn đã nhận được:

- Quyết định số 4696/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 về điều chỉnh Quyết định số 5698/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND về chấp thuận đầu tư dự án Khu phức hợp Cape Pearl;

- Quyết định số 6070/QĐ-UBND ngày 29/11/2015 công nhận cho nguyên đơn được sử dụng đất;

- Quyết định 5698/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 về chấp thuận đầu tư dự án Khu phức hợp Cape Pearl;

- Quyết định số 6843/UBND-ĐTMT ngày 20/12/2013 công nhận nguyên đơn là chủ đầu tư dự án.

Bị đơn cho rằng đã thực hiện đúng cam kết đã thoả thuận giữa các bên về việc hỗ trợ nguyên đơn thực hiện các nghĩa vụ mà lẽ ra thuộc trách nhiệm của nguyên đơn và việc nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng hợp tác và không yêu cầu xem xét các hậu quả pháp lý là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Bị đơn có các yêu cầu phản tố sau:

- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1-SSG ngày 19/12/2010.

- Buộc nguyên đơn hoàn trả toàn bộ số tiền mà bị đơn đã chuyển vào Công ty PSSSG là 39.282.773.000 đồng;

- Buộc nguyên đơn thanh toán tiền lãi phát sinh tạm tính từ thời điểm góp vốn đến nay là 22.463.480.395 đồng và tiền lãi phạt khi chấm dứt hợp đồng là 22.034.099.697 đồng.

- Buộc nguyên đơn thanh toán tiền bị đơn cho mượn để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền này là 945.414.471 đồng.

Tại đơn thay đổi yêu cầu phản tố ngày 12/5/2020, bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố như sau: Thay đổi yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư thành yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư, rút yêu cầu về việc nguyên đơn hoàn trả toàn bộ số tiền mà bị đơn đã chuyển vào Công ty PSSSG

tương ứng với 39.282.773.000 đồng; thanh toán tiền lãi phát sinh tạm tính từ thời điểm góp vốn đến nay là 22.463.480.395 đồng và tiền lãi phạt khi chấm dứt hợp đồng là 22.034.099.697 đồng; giữ yêu cầu về việc buộc nguyên đơn phải trả tiền bị đơn cho mượn để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền này là 945.414.471 đồng.

Tại bản khai và các biên bản của Tòa án, đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trình bày: Công ty PSSSG được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13/12/2010, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Từ khi thành lập đến nay, công việc của Công ty PSSSG là thực hiện các thủ tục pháp lý cho nguyên đơn để nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện đầu tư Dự án tại khu đất 12AB. Công ty PSSSG đã hoạt động đúng theo điều lệ của công ty và theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác. Số tiền Công ty PSSSG nhận từ bị đơn đã được sử dụng vào mục đích phục vụ cho hoạt động nêu trên. Công ty PSSSG không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn việc tuyên bố hợp đồng hợp tác đầu tư vô hiệu và thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn và công ty PSSSG trả lại toàn bộ các văn bản đã nhận từ nguyên đơn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến Dự án và khu đất 12AB. Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D là công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước mà đại diện là Tập đoàn D Việt Nam. Số tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước để được sử dụng lô đất 12AB Thanh Đa tiền của Tập đoàn D Việt Nam và Tập đoàn D Việt Nam đã định giá, hạch toán quyền sử dụng lô đất này vào giá trị phần vốn góp của nhà nước trong công ty cổ phần khi tiến hành cổ phần hóa, thành lập Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D. Trước khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư, nguyên đơn đã tổ chức họp Hội đồng quản trị và xin ý kiến của Tập đoàn D Việt Nam. Theo đó, Hội đồng quản trị và cơ quan chủ quản đã đồng ý về chủ trương cho phép nguyên đơn hợp tác với bị đơn để đầu tư Dự án, thành lập công ty con trong đó nguyên đơn góp vốn bằng tiền và quyền sử dụng đất lô đất 12AB, không có ý kiến nào về việc đồng ý cho phép nguyên đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho công ty con hay bất cứ doanh nghiệp nào khác. Nguyên đơn không đồng ý hòa giải với bị đơn về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng, thỏa thuận thay đổi một số điều khoản về hợp tác đầu tư theo yêu cầu của bị đơn bởi lẽ hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn vi phạm quy định của pháp luật đất đai, luật đầu tư công, luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng

quyền sử dụng đất, chuyển nhượng phần vốn góp của nhà nước ra ngoài doanh nghiệp nhà nước. Hơn nữa, thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết mà đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện được nên không có cơ sở để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn không giao đất cho bị đơn, không nhận tiền hay tài sản nào khác của bị đơn. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Về việc hoạt động, giải thể của công ty PSSSG nguyên đơn sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác khi thấy cần thiết.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa nguyên đơn và bị đơn không thể tiếp tục thực hiện vì hợp đồng này vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý đất đai. Các bên thỏa thuận về việc góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khi nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, các bên còn thỏa thuận về việc chuyển mục đích sử dụng đất từ mục đích xây dựng khu văn phòng, giải trí thành khu căn hộ, văn phòng, giải trí, chuyển giao chủ đầu tư dự án khi chưa có phê duyệt của cơ quan cấp giấy phép đầu tư dự án. Cho đến nay, thời hạn của hợp đồng đã hết mà nguyên đơn vẫn chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này chứng tỏ đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện được. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:** Tại đơn thay đổi yêu cầu phản tố đề ngày 12/5/2020, bị đơn đã rút yêu cầu buộc nguyên đơn hoàn trả toàn bộ số tiền mà bị đơn đã chuyển vào Công ty PSSSG tương ứng với 39.282.773.000 đồng; thanh toán tiền lãi phát sinh tạm tính từ thời điểm góp vốn đến nay là 22.463.480.395 đồng và tiền lãi phạt khi chấm dứt hợp đồng là 22.034.099.697 đồng, thay đổi yêu cầu về việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác thành yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác, giữ yêu cầu về việc buộc nguyên đơn phải trả tiền bị đơn cho mượn để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền này là 945.414.471 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút yêu cầu về việc buộc nguyên đơn phải trả tiền bị đơn cho mượn để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền này là 945.414.471 đồng. Bị đơn yêu cầu được tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác với nguyên đơn, các bên có thể thỏa thuận về việc thay đổi, bổ sung một số điều khoản của hợp đồng cho phù hợp với lợi ích của cả hai. Ngoài yêu cầu này, bị đơn không còn yêu cầu nào khác. Bị đơn xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, nguyên đơn chỉ được tạm giao sử dụng lô đất 12AB Thanh Đa theo Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, hình thức giao đất là cho thuê dài hạn, mục đích sử dụng đất là

làm khu phức hợp bao gồm văn phòng, các dịch vụ giải trí. Tại hợp đồng hợp tác đầu tư, các bên không thỏa thuận làm thay đổi mục đích sử dụng đất theo các văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với khu đất mà chỉ xác định rõ mục đích của hợp đồng cùng hợp tác phát triển Dự án nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho Dự án, xác định chủ đầu tư hiện tại là Tổng Công ty Cổ phần Tổng hợp Dịch vụ D và mục tiêu quy mô của Dự án cũng là để “Đầu tư xây dựng công trình khu cao ốc phức hợp bao gồm chức năng căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng khách sạn”, không có thỏa thuận nào về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Các bên đã thỏa thuận về việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, chuyển tên chủ đầu tư dự án cho Công ty PSSSG, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty PSSSG sau khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc thỏa thuận này không vi phạm quy định của pháp luật đất đai. Khi thành lập công ty PSSSG, nguyên đơn đã được sự chỉ đạo và chấp thuận của Tập đoàn D Việt Nam về việc thành lập một pháp nhân mới là Công ty TNHH hai thành viên để thực hiện dự án. Pháp luật cho phép tổ chức kinh tế được góp vốn bằng quyền sử dụng đất nên thỏa thuận về việc góp vốn thành lập PSSSG không vi phạm pháp luật. Sở dĩ nguyên đơn chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng vì nguyên đơn nhiều lần có văn bản trình cơ quan có thẩm quyền đề nghị thay đổi quy mô kiến trúc của dự án, đề nghị được giảm nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, không phải lỗi của bị đơn hay công ty PSSSG. Bị đơn xác nhận cho đến nay, chưa có văn bản nào của Tập đoàn D Việt Nam hay ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị công ty nguyên đơn về việc chấp thuận cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất 12AB Thanh Đa cho PSSSG. Tuy nhiên, ngay sau khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên sẽ đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật để chuyển tên chủ dự án, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng hợp tác đã ký. Bị đơn cũng xác định ngoài các biên bản cuộc họp giữa các bên về việc gia hạn đến ngày 30/6/2017 cho các bên làm hoàn tất thủ tục để nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các bên không ký bất kỳ phụ lục hợp đồng cũng như không có thỏa thuận nào khác về việc gia hạn Hợp đồng hợp tác. Bị đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên xử các bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty PSSSG trình bày: Tại thời điểm ký hợp đồng hợp tác đầu tư, nguyên đơn đã được công nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 12AB theo quyết định giao đất số số 1770/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc nguyên đơn góp vốn bằng quyền sử dụng đất là không vi phạm pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến hết thời hạn của hợp đồng mà các bên vẫn chưa



thực hiện được việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án, nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nguyên đơn rất nhiều lần đề xuất xin thay đổi thiết kế, công năng, giảm nghĩa vụ tài chính của dự án nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Phía bị đơn đã đầu tư vào dự án rất nhiều thông qua việc góp vốn thành lập Công ty PSSSG, Hợp đồng hợp tác giữa các bên là đúng pháp luật nên Công ty PSSSG thống nhất với ý kiến của bị đơn, đề nghị Tòa án tuyên các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1321/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S và Công ty TNHH P trả lại toàn bộ các văn bản đã nhận từ Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến dự án tại Khu đất 12AB Thanh Đa, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty Cổ phần Tập đoàn S về việc buộc Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D trả số tiền góp vốn là 39.282.773.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 22.463.480.395 đồng và tiền lãi phạt khi chấm dứt hợp đồng là 22.034.099.697 đồng; trả tiền vay để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 945.414.471 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D về việc tuyên bố Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1 – SSG ngày 19/11/2010 giữa Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D và Công ty Cổ phần Tập đoàn S là vô hiệu.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn S phải chịu án phí là 3.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 97.573.140 đồng theo biên lai thu số 0021176 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Tập đoàn S được hoàn lại 94.573.140 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng cho Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D theo biên lai thu số 0020259 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2020, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn S có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị tuyên bố Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1 – SSG ngày 19/11/2010 giữa

Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D và Công ty Cổ phần Tập đoàn S là vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày : Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa nguyên đơn và bị đơn không thể tiếp tục thực hiện vì hợp đồng này vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, các bên thỏa thuận về việc góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khi nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn Công ty Cổ Phần Tập Đoàn S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu tuyên hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng hợp tác đã ký với công ty Cổ phần Tập đoàn SSG. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn SSG buộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp D tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 12/2010 ngày 19/11/2010 với Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Đại diện hợp pháp của công ty PSSSG trình bày đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu của nguyên đơn và thống nhất với ý kiến bị đơn là tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG có yêu cầu phản tố là yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định cho rằng ý kiến trên chỉ là ý kiến phản bác ý kiến của nguyên đơn nên không giải quyết là vi phạm tố tụng vì căn cứ vào khoản 2 điều 2 Nghị quyết 05/2012/NQ – HĐTP ngày 03/12/2012 quy định thì bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chỉ được xem là ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chỉ khi nào nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục thực hiện hợp đồng tức là chấm dứt hợp đồng và căn cứ vào BLDS năm 2015, do bản chất của hai trường hợp chấm dứt hợp đồng và việc hợp đồng bị vô hiệu là khác nhau, tại thời điểm ký kết hợp đồng thỏa thuận thì giao dịch không trái và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì phải giải quyết hậu quả của hợp đồng là khôi phục tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trong khi bị đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng có nghĩa là không có cùng yêu cầu với nguyên đơn thì không phải là ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn như hướng dẫn tại khoản

2 điều 12 Nghị quyết 05/2012/NQ – HĐTP. Do cấp sơ thẩm nhận định sai như phân tích ở trên, dẫn đến không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự trong cùng vụ án là vi phạm N trọng thủ tục tố tụng được quy định tại điểm b khoản 2 điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn mà không bác yêu cầu phản tố của bị đơn và không tính án phí cho yêu cầu không được chấp nhận là thiệt hại cho Nhà nước, vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, căn cứ theo khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1321/2020/KDTM – ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về hình thức:**

Đơn kháng cáo của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn S thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

#### **2. Về tố tụng :**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư. Bị đơn có địa chỉ tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận T thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

#### **3. Về nội dung:**

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn xác nhận hai công ty có ký Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010 ngày 19/11/2010 cùng nhau đầu tư kinh doanh để thực hiện Dự án Khu phức hợp P1 Tower, địa chỉ tại Khu đất số 12AB Thanh Đa, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để thực hiện mục đích trên, hai bên thống nhất phương thức sẽ cùng góp vốn thành lập pháp nhân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (sau đây gọi là Công ty PSSSG) và thực hiện thủ tục để pháp nhân này làm chủ đầu tư trực tiếp thực hiện Dự án. Công ty PSSSG thành lập sẽ có tổng mức vốn điều lệ là

450.000.000.000 đồng, trong đó nguyên đơn sở hữu 51%( góp bằng quyền sử dụng đất và tiền mặt) tương ứng với số tiền là 229.500.000.000 đồng, bị đơn sở hữu 49% ( góp bằng tiền mặt) nhưng chưa bên nào hoàn tất nghĩa vụ góp vốn. Sau khi hoàn tất việc thành lập công ty PSSSG và hội đủ điều kiện pháp lý, nguyên đơn sẽ thực hiện thủ tục để chuyển tên người sử dụng đất đối với khu đất 12AB Thanh Đa sang tên công ty PSSSG và công ty PSSSG sẽ chính thức đứng tên chủ đầu tư của dự án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng các bên thỏa thuận giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật, cụ thể các bên đã thỏa thuận chuyển mục đích sử dụng đất của khu đất 12AB để thực hiện góp vốn thành lập công ty, thỏa thuận này trái với mục đích sử dụng đất thể hiện tại các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm ký kết là để nguyên đơn làm văn phòng, khách sạn và các dịch vụ giải trí, góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1-SSG. Bị đơn cho rằng hợp đồng hợp tác các bên ký kết với nhau không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên thỏa thuận việc góp vốn sẽ được thực hiện sau khi nguyên đơn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn cũng cố gắng nỗ lực, sớm triển khai để Ủy ban nhân dân thành phố chấp nhận chủ trương.

Xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 và Quyết định 216/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, thì nguyên đơn được tiếp tục sử dụng lô đất 12AB Thanh Đa để làm văn phòng, các dịch vụ giải trí. Căn cứ thỏa thuận tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng thì mục tiêu của dự án là đầu tư xây dựng công trình khu cao ốc phức hợp bao gồm chức năng căn hộ kết hợp thương mại – dịch vụ, văn phòng và khách sạn. Như vậy, thỏa thuận của các bên về mục đích sử dụng đất là không đúng với nội dung Quyết định số 1770/QĐ-UBND, trái với quy định sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai 2003.

Ngoài ra, các bên thỏa thuận góp vốn để thành lập Công ty PSSSG bằng toàn bộ quyền sử dụng 19.592,4 m<sup>2</sup> đất của khu đất 12AB Thanh Đa khi công ty P1 vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý đất đai. Căn cứ vào Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “*Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*” thì điều kiện để

tổ chức kinh tế góp vốn bằng quyền sử dụng đất là phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất muốn góp vốn đầu tư. Tại thời điểm ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất 12AB Thanh Đa. Do đó, thỏa thuận góp vốn bằng quyền sử dụng đất là vi phạm điều cấm của pháp luật. Mặt khác, cũng tại hợp đồng hợp tác nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận hợp tác đầu tư dự án, hình thức đầu tư là thành lập doanh nghiệp mới. Căn cứ Điều 21, Điều 22 Luật Đầu tư năm 2005, khoản 1 Điều 5 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006, hình thức đầu tư của các bên là đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 6843/UBND-ĐTMT ngày 20/12/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì chủ đầu tư dự án được công nhận vẫn là Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D, không phải Công ty PSSSG. Các bên thỏa thuận sẽ chuyển tên chủ đầu tư, có nghĩa là chuyển nhượng dự án cho Công ty PSSSG nhưng chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự nhưng các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không có yêu cầu liên quan đến hoạt động, giải thể của Công ty PSSSG, giải quyết phần vốn góp trong công ty PSSSG. Vì vậy, căn cứ theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết hậu quả của Hợp đồng hợp tác đầu tư bị tuyên bố vô hiệu. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của công ty Cổ Phần Tập Đoàn SSG. Bản án sơ thẩm tuyên về việc tuyên bố Hợp đồng hợp tác đầu tư vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 1321/2020/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 do vi phạm tố tụng vì phía bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định cho rằng ý kiến trên chỉ là ý kiến phản bác. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phản tố.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

#### 4. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của công ty Cổ Phần Tập Đoàn SSG không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh

thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1321/2020/KDTM-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng Điều 30, 37, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, điều 127, điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106, Điều 107 Luật Đất đai 2003; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D về việc tuyên bố Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 12/2010/P1 – SSG ngày 19/11/2010 giữa Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D và Công ty Cổ phần Tập đoàn S là vô hiệu.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S và Công ty TNHH P trả lại toàn bộ các văn bản đã nhận từ Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến dự án tại Khu đất 12AB Thanh Đa, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty Cổ phần Tập đoàn S về việc buộc Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D trả số tiền góp vốn là 39.282.773.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 22.463.480.395 đồng và tiền lãi phạt khi chấm dứt hợp đồng là 22.034.099.697 đồng; trả tiền vay để thực hiện thủ tục pháp lý là 2.780.512.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 945.414.471 đồng.

[4] Về án phí doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn S phải chịu án phí là 3.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 97.573.140 đồng theo biên lai thu số 0021176 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi

hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Tập đoàn S được hoàn lại 94.573.140 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng cho Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp D theo biên lai thu số 0020259 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn S phải chịu án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0088421 ngày 25/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Mạnh Đoàn Trang**